TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HS-ST
Ngày: 26-10-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Công Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Thoại

Ông Bế Nhật Độ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lý Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Trịnh Nguyễn Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo: **Nông Quốc H**; sinh ngày 07 tháng 11 năm 1992 tại xã B, huyện H, Cao Bằng;

Nơi cư trú: Xóm N, xã B, huyện H, Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Lô B và bà Hứa Thị N; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 30/6/2018 đến ngày 28/8/2018; Có mặt.

- *Bị hại*: Bà Hoàng Thị V; sinh năm 1964

Nơi cư trú: Xóm N, xã B, huyện H, Cao Bằng; Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Đinh Ngọc M; sinh năm 1957

Nơi cư trú: Tổ 3, phường D, thành phố C, Cao Bằng; Có mặt

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

+ Ông Trịnh Công Đ; sinh năm 1988

Nơi cư trú: Tổ 1, Khu D, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng; Có mặt

+ Ông Bàn Thanh T; sinh năm 1992

Nơi cư trú: Xóm N, xã H, huyện H, Cao Bằng; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ ngày 24/5/2018 Nông Quốc H đến quán nước của Trịnh Công Đ (sinh năm 1988, trú tại tổ 1, Khu D, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng) gần đầu cầu treo Bình Long chơi. Trong lúc ngồi chơi tại đây, quan sát thấy kho hàng của bà Hoàng Thị V (sinh năm 1964, trú tại xóm N, xã B, huyện H, Cao Bằng) ở phía đối diện không có người trông coi nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo tiến đến xe ô tô tải đỗ trước của kho hàng của bà V, trèo lên cabin xe xem có người không sau đó ra phía sau trèo vào thùng xe thấy trong thùng có các bao tải trắng đựng các loại rễ cây, lâm sản. Sau đó, bị cáo quay lại quán nước, mượn xe máy của Đ về nhà kéo xe cải tiến của gia đình ra theo sau và để gần kho hàng của bà V rồi trả xe máy lại cho Đ.

Đến gần 01 giờ sáng ngày 25/5/2018 khi Đ chuẩn bị đóng cửa quán thì bị cáo đi sang đường, trèo vào thùng xe tải lấy 02 (Hai) bao tải màu trắng, bên trong đựng rễ cây Pác Lạc vứt xuống đường rồi sau đó bê lên xe cải tiến để kéo về nhà cất giấu. Khi đó, chỉ có Đ chứng kiến hành vi phạm tội của bị cáo. Đến 07 giờ sáng cùng ngày, sau khi ngủ dậy, bị cáo đến nhà Bàn Thanh T (sinh năm 1992, trú tại xóm N, xã H, huyện H, Cao Bằng) mượn xe máy để chở tài sản trộm cắp được xuống thành phố C bán cho ông Đinh Ngọc M (sinh năm 1957, trú tại tổ 3, phường D, thành phố C, Cao Bằng) được số tiền 2.480.000đ (Hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Bị cáo dùng số tiền này để mua ma túy về sử dụng và chi tiêu cá nhân gần hết.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ vật chứng có liên quan là số tiền 543.000đ (Năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng) còn lại do bán tài sản trộm cắp mà có và 02 bao tải trắng đựng 57kg (Năm mươi bảy) rễ cây Pác Lạc. Ngày 03/7/2018, Cơ quan điều tra đã hoàn trả 02 bao tải trắng đựng rễ cây Pác Lạc cho chủ sở hữu là bà V theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-ĐGTS ngày 19/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản đã kết luận: 02 (Hai) bao rễ cây Pác Lạc (Lâm sản phụ) tổng trọng lượng 57kg trị giá là 2.451.000đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 32/CT-VKS-HA ngày 10/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Quốc H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật và

đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản".

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đinh Ngọc M; buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Minh số tiền 2.480.000đ (Hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Về việc xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hoàn trả cho ông Đinh Ngọc M số tiền 543.000đ (Năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị hại bà Hoàng Thị V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; đồng thời không có yêu cầu gì thêm về bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đinh Ngọc M yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền mà ông đã mua tài sản trộm cắp với bị cáo.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như mức hình phạt đồng thời nhất trí hoàn trả số tiền 2.480.000đ (Hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) cho ông Minh; tuy nhiên trong lời nói sau cùng, bị cáo có đưa ra ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An, của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo đã thực hiện, tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo; lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên

toà, qua đó đã xác định được lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản của bị hại bà V.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý; Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trên địa bàn. Với giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 2.451.000đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn đồng) thì bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ sự ăn năn, hối cải; Tại phiên tòa, bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Do vậy xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà vẫn đảm bảo mục đích cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung đối với xã hội.

Ngoài hình phạt chính, tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự còn quy định hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với người phạm tội danh này. Xét thấy bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại bà Hoàng Thị V đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề bồi thường thiệt hại.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đinh Ngọc M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã dùng để mua tài sản trộm cắp là 2.480.000đ (Hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Xét thấy, ông M không biết tài sản mua bán là do trộm cắp mà có, yêu cầu ông đưa ra là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[6] Về việc xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 543.000đ (Năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Đây là số tiền còn lại mà bị cáo chưa tiêu hết trong tổng số tiền nhận từ ông M do vậy cần được hoàn trả cho ông M và được trừ vào số tiền mà bị cáo phải bồi hoàn cho ông M.

- Đối với 02 bao tải trắng đựng 57kg (Năm mươi bảy) rễ cây Pác Lạc, Cơ quan điều tra đã hoàn trả lại cho chủ sở hữu là bà Hoàng Thị V theo Biên bản trả đồ vật, tài liệu ngày 03/7/2018 là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, án phí dân sự sơ thẩm quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Quốc H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử bị cáo Nông Quốc H 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/10/2018. Giao bị cáo Nông Quốc H cho Uỷ ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Xác nhận bị hại bà Hoàng Thị V đã được nhận lại tài sản bị thiệt hại theo biên bản ngày 03/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An, Cao Bằng.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nông Quốc H có trách nhiệm bồi thường cho ông Đinh Ngọc M (sinh năm 1957, trú tại tổ 3, phường D, thành phố C, Cao Bằng) số tiền 2.480.000đ (Hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng), nhưng được trừ đi số tiền 543.000đ (Năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng) là vật chứng của vụ án đã thu giữ được của bị cáo; do vậy bị cáo còn phải bồi hoàn cho ông M số tiền là 1.937.000đ (Một triệu chín trăm ba mươi bẩy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hoàn trả cho ông Đinh Ngọc M (sinh năm 1957, trú tại tổ 3, phường D, thành phố C, Cao Bằng) số tiền 543.000đ (Năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng) là vật chứng của vụ án để đối trừ nghĩa vụ của bị cáo.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án

Bị cáo Nông Quốc H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Công Hưng

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Công an huyện Hòa An;
- VKSND huyện Hoà An;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS Hòa An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.